TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 168/2023/QĐST - HNGĐ	*T, ngày 12 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 138/2023/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Tou Neh L, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 69, thôn M, xã T, huyện Đ, tỉnh L

Bị đơn: Anh Lê Trọng L, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu phố X , thị trấn S, huyện T, tỉnh T

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04/7/2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Tou Neh L và anh Lê Trọng L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về hôn nhân: Chị Tou Neh L và anh Lê Trọng L tự nguyện thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có có 01con chung là cháu Tou Neh Bảo N , sinh ngày 27/9/2011.

Hai bên thống nhất thỏa thuận:

Chị Tou Neh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Tou Neh Bảo N , sinh ngày 27/9/2011. Anh Lê Trọng L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Trọng L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản và công nợ chung: Tài sản và công nợ chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Hai bên thống nhất thỏa thuận: Chị Tou Neh L chịu án phí DSST là 150.000đ nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2021/0014731 ngày 25/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Tou Neh L được nhận lại 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P.kiểm tra nghiệp vụ và THA TAND tỉnh T;
- Đương sự;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh L;
- L hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hằng